

Số: 31...../BC-CT

Sơn Dương, ngày 04 tháng 08 năm 2021

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
Công ty TNHH lâm nghiệp Sơn Dương
Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2021

Căn cứ Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai tài chính của doanh nghiệp Nhà nước và doanh nghiệp có vốn Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 200/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung giám sát đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai tài chính của doanh nghiệp Nhà nước và doanh nghiệp có vốn Nhà nước.

Công ty TNHH lâm nghiệp Sơn Dương báo cáo đánh giá tình hình tài chính 6 tháng đầu năm 2021 như sau:

1/ Tình hình bảo toàn và phát triển vốn

- Vốn chủ sở hữu: 33.000 triệu đồng, trong đó: vốn góp của Công ty cổ phần giấy An Hòa Tuyên Quang: 8.250 triệu đồng.

- Tổng tài sản: 37.642,06 triệu đồng

- Lợi nhuận sau thuế: -561,49 triệu đồng

- Hiệu quả sử dụng vốn:

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE) là: 0,00lần

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA) là: -1,49 lần

2/ Việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp

a) Tình hình đầu tư dự án: Không

b) Tình hình đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp: không

c) Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

- Tổng số vốn đã huy động trong kỳ báo cáo Tổng số vốn vay trong kỳ 0 triệu đồng; Lũy kế đến kỳ báo cáo vay ngân hàng là: 2.480,0 triệu đồng (dài hạn 2.480,0 triệu đồng).

- Tình hình sử dụng vốn huy động: Chi cho đầu tư xây dựng trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng: 1.203,59 triệu đồng.

- Việc sử dụng vốn huy động và hiệu quả mang lại từ sử dụng vốn đã huy động: Công ty chủ động trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh. Đời sống cán bộ

công nhân viên trong Công ty được ổn định, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước và trách nhiệm với người lao động, bảo toàn được vốn Nhà nước giao quản lý, hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi, phát triển được vốn rừng.

d) Tình hình quản lý tài sản, nợ phải thu, nợ phải trả:

- Việc quản lý tài sản của doanh nghiệp, đầu tư mua sắm tài sản, trang thiết bị thực hiện theo quy định của pháp luật và quy chế của Công ty, 6 tháng đầu năm 2021 Công ty đầu tư TSCĐ số tiền là 0 triệu đồng.

- Việc trích khấu tài sản theo quy định của pháp luật, tổng số khấu hao 6 tháng đầu năm 422 triệu đồng

- Về công tác quản lý nợ theo quy định tại Nghị định số 206/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về quản lý nợ của doanh nghiệp Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Định kỳ Công ty phân loại các khoản nợ từ đó có biện pháp xử lý thu hồi nợ theo quy định. Hạch toán, mở sổ sách kế toán theo dõi công nợ chi tiết đến từng đối tượng nợ, thực hiện đối chiếu công nợ phải thu, phải trả, tuy nhiên việc đối chiếu, ký xác nhận nợ phải thu, phải trả chưa đầy đủ theo quy định.

- Khả năng thanh toán nợ: Đến thời điểm 30/6/2021 công nợ phải thu là 3.002,24 triệu đồng; nợ phải trả là 3.950,66 triệu đồng; Công ty không có nợ quá hạn. Khả năng thanh toán nợ: Khả năng thanh toán nợ đến hạn (TSNN/Nợ ngắn hạn) = $31.597,7 \text{ triệu đồng} - \text{rừng trong thời kỳ XDCB dở dang từ các năm 2018, 2019, 2020}$ là $13.417,6 / 3.950,66 = 4,6$ lần; khả năng thanh toán nhanh là 15 lần ($22.041,58 / 1.470,6$) chỉ tiêu này cho thấy doanh nghiệp khả năng thanh toán nhanh. Hệ số nợ phải trả/vốn CSH là $3.950,66 / 33.000.000 = 0,12$ lần.

3/ Tình hình sản xuất kinh doanh và tài chính của doanh nghiệp

a) Về sản lượng sản xuất

- Trồng rừng: được 1310,28/400 ha rừng đạt 77,71% so với kế hoạch.

- Khai thác, tiêu thụ gỗ: 7.073,22 m³ đạt 53,93 % so với năm 2019: 13,115 m³; đạt 80,61 %; so với năm 2020: 8.774,85m³; so với kế hoạch 25.000 m³ đạt 28,29 %.

b) Về các chỉ tiêu tài chính

* Tổng doanh thu 6.115,05 triệu đồng so với năm 2019: 16.559,4 triệu đồng đạt 36,9 %; so với năm 2020: 5.004,36 triệu đồng đạt 122,2 %; so với kế hoạch được giao 36.457 triệu đồng đạt 16,8%.

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 4.863,25 triệu đồng so với năm 2019: 16.536,78 triệu đồng đạt 36,2%; so với năm 2020: 4.863,25 triệu đồng đạt 123,09 %; so với kế hoạch được giao 36.457 triệu đồng đạt 16,42%.

+ Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ: 4.755,13 triệu đồng so với năm 2019: 14.536,78 triệu đồng đạt 32,71 %; so với năm 2020: 2.836,41 triệu đồng đạt 167,65 %; so với kế hoạch được giao 31.428,25 triệu đồng đạt 15,13%.

+ Doanh thu hoạt động tài chính 44,22 triệu đồng so với năm 2019: 0,95 triệu đồng đạt 4.654,74 %; so với năm 2020: 0,43 triệu đồng đạt 10.283,72%.

+ Chi phí hoạt động tài chính 0 triệu đồng.

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp: 1.921,41 triệu đồng so với năm 2019: 1.253,9 triệu đồng đạt 153,23 %; so với năm 2020: 1.253, 1.541 triệu đồng đạt 124,69%; so với kế hoạch 3.500 triệu đồng đạt 54,9%.

+ Thu nhập khác: 84,69 triệu đồng so với năm 2019: 21,67 triệu đồng đạt 390,82%, so với năm 2020: 140,68 triệu đồng đạt 60,2%.

+ Chi phí khác 0 triệu đồng.

+ Lợi nhuận khác: 84,69 triệu đồng so với năm 2019: 21,67 triệu đồng đạt 390,82%, so với năm 2020: 140,68 triệu đồng đạt 60,2%.

+ Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế -561,49 triệu đồng so với năm 2019: 768,68 triệu đồng đạt -73,05 %; so với năm 2020: 581,11 triệu đồng đạt -96,62%; so với kế hoạch: 1.528,75 triệu đồng đạt -36,73%.

+ Chi phí thuế TNDN hiện hành 0 triệu đồng so với năm 2019: 153,74 triệu đồng đạt 0 %; so với năm 2020: 116,22 triệu đồng đạt 0%; so với kế hoạch: 305,75 triệu đồng đạt 0%.

+ Lợi nhuận sau thuế TNDN: -561,49 triệu đồng so với năm 2019: 614,95 triệu đồng đạt -91,1%; so với năm 2020: 464,89 triệu đồng đạt -120,78%; so với kế hoạch được 1.223 triệu đồng đạt 45,91%.

c) Về hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp

- Khả năng sinh lời của Công ty là khá cao vì tài sản ròng của Công ty nhiều, chi phí đầu tư hợp lý. Được thể hiện qua chỉ tiêu:

+ Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trước thuế /vốn chủ sở hữu: 0%

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE) là: 0%

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA) là: -1,49%

d) Phân tích lưu chuyển tiền tệ trong kỳ báo cáo

Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh

- Số dư đầu kỳ: 6.476,83 triệu đồng.

- Dòng tiền tạo ra cho các hoạt động sản xuất kinh doanh trong 6 tháng đầu năm thu 11.065,53 triệu đồng và chi ra là 13.725,10 triệu đồng.

- Số dư lưu chuyển tiền từ thuần hoạt động sản xuất kinh doanh là -2.659,57 triệu đồng.

Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư

- Dòng tiền tạo ra cho các hoạt động đầu tư trong 6 tháng đầu năm thu 44,23 triệu đồng.

- Dòng tiền tạo ra cho các hoạt động đầu tư trong 6 tháng đầu năm chi 0 triệu đồng.

- Số dư lưu chuyển tiền từ thuần hoạt động đầu tư trong 6 tháng đầu là 44,23 triệu đồng.

Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính

- Dòng tiền tạo ra cho các hoạt động tài chính trong 6 tháng đầu năm thu là 0 triệu đồng, chi là 0 triệu đồng.

- Số dư lưu chuyển tiền từ thuần hoạt động tài chính trong 6 tháng đầu năm là 0 triệu đồng.

* Cân đối dòng tiền 6 tháng đầu năm (6.476,83 triệu đồng + 44,23 triệu đồng) – -2.659,57 triệu đồng = 3.861,48 triệu đồng.

Dự báo về lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng cuối năm

*** Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh**

- Dòng tiền tạo ra từ hoạt động sản xuất kinh doanh trong 6 tháng cuối năm thu 23.500,0 triệu đồng và chi ra là 23.000,0 triệu đồng.

- Số dư lưu chuyển tiền từ thuần hoạt động sản xuất kinh doanh là 500,0 triệu đồng.

*** Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**

- Dòng tiền tạo ra cho các hoạt động đầu tư trong 6 tháng cuối năm thu 0 triệu đồng.

- Dòng tiền tạo ra cho các hoạt động đầu tư trong 6 tháng cuối năm chi 200 triệu đồng.

- Số dư lưu chuyển tiền từ thuần hoạt động đầu tư trong 6 tháng cuối năm là 0 triệu đồng.

*** Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính**

- Dòng tiền tạo ra cho các hoạt động tài chính trong 6 tháng cuối năm thu ra là 0 triệu đồng

- Dòng tiền tạo ra cho các hoạt động tài chính trong 6 tháng cuối năm chi ra là 0 triệu đồng

- Số dư lưu chuyển tiền từ thuần hoạt động tài chính trong 6 tháng cuối năm là 0 triệu đồng.

* *Dự báo về lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán tiếp theo:* Dòng tiền lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư, hoạt động tài chính đảm bảo cho việc thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp nhưng không cao, do doanh thu và tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh chỉ vừa đủ cho chi phí sản xuất kinh doanh số dư lưu chuyển tiền từ các hoạt động sản xuất của doanh nghiệp thấp.

4/ Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, tình hình phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ.

- Công ty đã tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế. Số thuế đã nộp 6 tháng đầu năm 131,12 triệu đồng.

- Công ty phân phối lợi nhuận và sử dụng các quỹ theo đúng điều 31 của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP. Số tiền lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 6 tháng đầu năm là: 0 triệu đồng.

- Trích lập các quỹ:

+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 0,00 triệu đồng;
+ Quỹ thưởng Người quản lý DN: 0,00 triệu đồng.

- Trong kỳ doanh nghiệp đã sử dụng các quỹ:

+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 334,2 triệu đồng;
+ Quỹ thưởng Người quản lý DN: 0,00 triệu đồng.

5/ Tình hình chấp hành chế độ chính sách và pháp luật trong đánh giá tuân thủ và chấp hành các quy định

Công ty chấp hành về đầu tư, quản lý và sử dụng vốn Nhà nước có hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi, phát triển được vốn rừng. Chấp hành chế độ về thu nộp thuế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đầy đủ và đúng quy định; chấp hành tốt các chế độ, chính sách về thuế, tài chính, chi trả tiền lương cho cán bộ công nhân viên theo đúng quy định như:

- Công ty đã tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế.
- Tiền lương, ăn ca cho người lao động: 3.205 triệu đồng.
- Và các chính sách khác của người lao động như bảo hiểm, kinh phí Công đoàn, chế độ thai sản: 808,62 triệu đồng.
- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước nộp thuế: 979,3 triệu đồng.

6/ Giải trình của doanh nghiệp đối với các ý kiến đánh giá của doanh nghiệp kiểm toán độc lập, ý kiến của kiểm soát viên, của cơ quan đại diện chủ sở hữu và cơ quan nhà nước có thẩm quyền về báo cáo tài chính của doanh nghiệp

Công ty thực hiện nghiêm chỉnh các kiến nghị của Kiểm toán điều chỉnh quyết toán theo biên bản của kiểm toán, thực hiện theo kết luận của kiểm tra tài chính, thực hiện theo kết luận của kiểm tra thuế và ý kiến của kiểm soát viên, của cơ quan đại diện chủ sở hữu và cơ quan nhà nước có thẩm quyền về báo cáo tài chính của doanh nghiệp khi kiểm tra, thanh tra.

7/ Kết luận:

- Công ty luôn được sự quan tâm, chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, của các Sở ban ngành tỉnh Tuyên Quang, Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện Sơn Dương, đồng thời được phối hợp chặt chẽ giữa Công ty và UBND các xã Thị trấn trên địa bàn huyện Sơn Dương.

- Cùng với sự cố gắng, phấn đấu nỗ lực của tập thể cán bộ công nhân viên trong Công ty, chủ động trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh. Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 làm ảnh hưởng đến thị trường tiêu thụ gỗ rừng trồng, giá gỗ giảm mạnh (so với cùng kỳ năm 2019 giá gỗ giảm 20,0%). Nhiều cơ sở chế biến dừng hoạt động nên tiến độ khai thác, tiêu thụ gỗ rừng trồng của Công ty bị chậm nhất là bán gỗ có chứng chỉ rừng FSC, từ đầu năm 2021 đến nay Công ty chưa bán được gỗ có chứng chỉ FSC cho các đơn vị thu mua gỗ chế biến trong và ngoài tỉnh, nên chưa thực hiện hoàn thành một số chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước giao. Đời sống cán bộ công nhân viên trong Công ty được ổn định, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước và trách nhiệm với người lao động, bảo toàn được vốn Nhà nước giao quản lý,

hoạt động sản xuất kinh doanh, phát triển được vốn rừng. Xây dựng Công ty ngày càng ổn định và phát triển.

Phân loại doanh nghiệp: An toàn về tài chính

Nơi nhận:

- Sở Tài chính TQ(B/cáo);
- Website Công ty;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC CÔNG TY



Nguyễn Hồng Thái

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT: triệu đồng

Nội dung	Cùng kỳ năm 2019 [1]	Cùng kỳ năm 2020 [2]	Thực hiện năm 2021		Biến động so với (tỷ lệ %)		
			Kế hoạch năm [3]	Thực hiện kỳ [4]	Cùng kỳ năm X-2 [5] = [4]/[1]	Cùng kỳ năm X-1 [6] = [4]/[2]	Kế hoạch năm [7] = [4]/[3]
A. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh							
1. Sản lượng sản xuất SP chủ yếu	13.115,00	8.774,85	25.000,00	7.073,22	53,93	80,61	28,29
2. Sản lượng tiêu thụ SP chủ yếu	13.115,00	8.774,85	25.000,00	7.073,22	53,93	80,61	28,29
3. Tồn kho cuối kỳ							
B. Chỉ tiêu tài chính							
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16.536,78	4.863,25	36.457,00	5.986,14	36,20	123,09	16,42
2. Các khoản giảm trừ doanh thu							
3. DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	16.536,78	4.863,25	36.457,00	5.986,14	36,20	123,09	16,42
4. Giá vốn hàng bán	14.536,82	2.836,41	31.428,25	4.755,13	32,71	167,65	15,13
5. LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.999,96	2.026,84	5.028,75	1.231,01	61,55	60,74	24,48
6. Doanh thu hoạt động tài chính	0,95	0,43	0,00	44,22	4.654,74	10.283,72	
7. Chi phí tài chính		45,84					
8. Chi phí bán hàng							

Nội dung	Cùng kỳ năm 2019	Cùng kỳ năm 2020	Thực hiện năm 2021		Biến động so với (tỷ lệ %)		
	[1]	[2]	Kế hoạch năm	Thực hiện kỳ	Cùng kỳ năm X-2	Cùng kỳ năm X-1	Kế hoạch năm
			[3]	[4]	[5] = [4]/[1]	[6] = [4]/[2]	[7] = [4]/[3]
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.253,90	1.541,00	3.500,00	1.921,41	153,23	124,69	54,90
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	747,01	440,43	1.528,75	-646,18	-86,50	-146,71	-42,27
11. Thu nhập khác	21,67	140,68		84,69	390,82	60,20	
12. Chi phí khác							
13. Lợi nhuận khác	21,67	140,68		84,69	390,82	60,20	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	768,68	581,11	1.528,75	-561,49	-73,05	-96,62	-36,73
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	153,74	116,22	305,75		0,00	0,00	0,00
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại							
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	614,95	464,89	1.223,00	-561,49	-91,31	-120,78	-45,91

GHI CHÚ: Cột (1), (2) : Theo Báo cáo tài chính các năm trước liền kề năm Báo cáo. Thông tin về chỉ tiêu tài chính lấy từ báo cáo tài chính doanh nghiệp nhà nước.

Lập biểu

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Khánh Vân

Nguyễn Trung Thành

Nguyễn Hồng Thái

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Số còn phải nộp kỳ trước chuyển sang	Số phát sinh phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số còn phải nộp chuyển sang kỳ sau
1. Thuế	419.911.539	32.286.098	795.852.266	(343.654.629)
- Thuế GTGT	61.904.497	32.286.098	63.726.705	30.463.890
- Thuế TNDN	304.109.550		677.851.109	(373.741.559)
- Thuế Xuất, nhập khẩu				0
- Thuế đất				0
- Các khoản thuế khác	53.897.492		54.274.452	(376.960)
2. Các khoản phải nộp khác	(6.267.353)	182.250.004	183.448.967	(7.466.316)
- Phí, lệ phí				0
- Các khoản phải nộp khác	(6)	3.000.000	3.000.000	(6)
+ Thuế TNCN	(6.267.347)	10.519.004	11.717.967	(7.466.310)
+ Thuế nhà đất. Tiền thuế đất		168.731.000	168.731.000	0
3. Nộp Ngân sách nhà nước (Quỹ Hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp) phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp theo quy định				

B. TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Dư đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong Kỳ	Dư cuối kỳ
1. Quỹ Đầu tư phát triển				
2. Quỹ Khen thưởng phúc lợi	-826.579.220	5.960.000	334.200.000	-1.154.819.220
3. Quỹ thưởng VCQLDN				0
4. Quỹ Hỗ trợ sắp xếp DN				
5. Quỹ đặc thù khác (nếu có)				

Thuyết minh tăng giảm quỹ trong năm (riêng các quỹ đặc thù được trích theo quy định của pháp luật phải giải trình cơ sở pháp lý, nguồn trích, cơ chế sử dụng)

Ghi chú: Thông tin lấy từ báo cáo tài chính của doanh nghiệp nhà nước

Người lập biểu
(Ký)



Nguyễn Thị Khánh Vân

Kế toán trưởng
(Ký)



Nguyễn Trung Thành

Giám đốc
(Ký, đóng dấu)



Nguyễn Hồng Thái

Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH lâm nghiệp Sơn Dương
ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ XẾP LOẠI DOANH NGHIỆP 6 THÁNG ĐẦU NĂM NĂM 2021
(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

[Tên DN] Công ty TNHH lâm nghiệp Sơn Dương
 [Loại hình DN] Doanh nghiệp 75% vốn nhà nước

Chỉ tiêu 1(tr.đồng)				Chỉ tiêu 2					Chỉ tiêu 3					Chỉ tiêu 4 Xếp loại	Chỉ tiêu 5 Xếp loại	Xếp loại DN
Doanh thu và thu nhập khác				Lợi nhuận (tr.đồng)		Vốn CSH bình quân (tr.đồng)		Tỷ suất LN/vốn (%)		Xếp loại	Khả năng thanh toán nợ đến hạn				Nợ quá hạn (tr.đồng)	Xếp loại
KH	TH	Xếp loại		KH	TH	KH	TH	KH	TH		TSNH (tr.đồng)	Nợ NH (tr.đồng)	TSNH/NN H (lần)			
36.457,00	6.115,05	B		612	-561	24.587	33.000	2,49	-1,70	C	18.180,10	1.470,60	12,36	0	A	A

Lập biểu
(Ký)

Sơn Dương

Nguyễn Thị Khánh Vân

Kế toán trưởng
(Ký)

Nguyễn Trung Thành

Nguyễn Trung Thành

Giám đốc
(Ký, đóng dấu)



Nguyễn Hồng Thái

Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Sơn Dương

Biểu 05B

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA VIÊN CHỨC QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

TT	Tên doanh nghiệp	Tỷ suất Lợi nhuận/Vốn CSH			Kết quả xếp loại Doanh nghiệp	Tình hình chấp hành tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động của VCQL	Xếp loại hoạt động VCQL Doanh nghiệp
		Kế hoạch	Thực hiện	% Thực hiện/Kế hoạch			
1	2	3	4	5	6	7	8
	Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Sơn Dương	2,49	-1,70	-68,41	B	Tốt	Hoàn thành nhiệm vụ

Ghi chú: Tình hình chấp hành tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động của Viên chức quản lý được phân loại theo các mức độ: Thực hiện tốt, Không thực hiện tốt và theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

Lập biểu



Nguyễn Thị Khánh Vân

Kế toán trưởng



Nguyễn Trung Thành



Nguyễn Hồng Thái

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VỐN RA NGOÀI DOANH NGHIỆP 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021
(Ban hành kèm theo Thông tư số 158/2013/TT-BTC ngày 13/11/2013 của Bộ Tài chính)

TT	Chỉ tiêu	Giá trị đầu tư (30/06/2018)	Phát sinh		Giá trị đầu tư 30/6/20.. hoặc 31/12/20..	Tỷ lệ vốn góp (%)	Cổ tức hoặc lợi nhuận được chia của năm báo cáo	Tỷ lệ LN được chia trên vốn đầu tư (%)
			Tăng	Giảm				
I	2	3	4	5	6	7	8	(9)=(8)/(6)
A	Đầu tư vào ngành nghề kinh doanh chính							
I	Đầu tư vào công ty con							
II	Đầu tư vào Công ty liên kết							
III	Đầu tư tài chính khác							
B	Đầu tư vào ngành nghề khác							
I	Đầu tư vào công ty con							
II	Đầu tư vào Công ty liên kết							
III	Đầu tư tài chính khác	131,63						

GHI CHÚ: Thông tin lấy từ báo cáo tài chính của công ty mẹ. Chi tiêu (8): Cổ tức hoặc lợi nhuận được chia của năm báo cáo căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng thành viên của doanh nghiệp có vốn góp.

Lập biểu
(Ký)

(Chữ ký)

Nguyễn Thị Khánh Vân

Kế toán trưởng
(Ký)

(Chữ ký)

Nguyễn Trung Thành

Giám đốc
(Ký, đóng dấu)



Nguyễn Hồng Thái

TÌNH HÌNH BẢO TOÀN VỐN VÀ PHÁT TRIỂN VỐN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

Chỉ tiêu	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Hệ số bảo toàn vốn
Vốn sở hữu, trong đó:	25.367,91	330.000.000,00	
Vốn góp của chủ sở hữu	24.587,36	330.000.000,00	
Vốn tự phát triển	780,65		
Vốn đầu tư XDCB			
Tài sản	32.090,14	37.642,06	
Thuận sau thuế	464,89	-561,49	
Quả sử dụng vốn			
Chỉ số LN sau thuế/Vốn CSH(ROE)	1,83	0,00	X
Chỉ số LN sau thuế/Tổng tài sản(ROA)	1,45	-1,49	X

Lập biểu

(Signature)

Kế toán Trưởng

(Signature)

Giám đốc



Nguyễn Hồng Thái

Nguyễn Trung Thành

Nguyễn Thị Khánh Vân

TÌNH HÌNH BẢO TOÀN VỐN VÀ PHÁT TRIỂN VỐN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2020

Chỉ tiêu	Dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Dư cuối năm
A. Vốn chủ sở hữu, trong đó:				
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	33.000.000tr.đ	tr.đ	tr.đ	33.000.000tr.đ
2. Quỹ Đầu tư phát triển	33.000.000tr.đ		tr.đ	33.000.000tr.đ
3. Nguồn vốn đầu tư XDCB	tr.đ	tr.đ	tr.đ	tr.đ
B. Tổng tài sản	41.160,19 tr.đ	tr.đ	tr.đ	tr.đ
5. Quỹ đặc thù khác (nếu có)			3.518,13tr.đ	37.642,06tr.đ

Thuyết minh tăng giảm quỹ trong năm (riêng các quỹ đặc thù được trích theo quy định của pháp luật phải giải trình cơ sở pháp lý, nguồn trích, cơ chế sử dụng).

- Quỹ đầu tư phát triển tăng do phân phối lợi nhuận sau thuế

Ghi chú: Thông tin lấy từ báo cáo tài chính của Công ty mẹ

Lập biểu

(Signature)

Nguyễn Thị Khánh Vân

Kế toán Trưởng

(Signature)

Nguyễn Trung Thành

Gián đốc



Nguyễn Hồng Thái

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÀI CHÍNH

[Năm 2018 [Kỳ] Báo cáo: 6 tháng đầu năm 2021

TT	Tên doanh nghiệp	Doanh thu (triệu đồng)	Lợi nhuận Thực hiện (triệu đồng)	Nộp ngân sách (triệu đồng)	Phân loại doanh nghiệp		Ghi chú
					An toàn về TC	Mất an toàn về TC	
A	Tập đoàn						
							
B	Tổng công ty						
							
C	Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Sơn Dương	6.115,05	-561,49	979.301	X		

Kiến nghị của Chủ sở hữu:

Người lập biểu

Sơn Dương

Kế toán trưởng

Nguyễn Trung Thành

Giám đốc



Nguyễn Hồng Thái

Nguyễn Thị Khánh Vân

Nguyễn Trung Thành

Nguyễn Hồng Thái